

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Học Kỳ 1 - Năm Học 22-23

Môn học/Nhóm **Cầu lông 2 - 12**
CBGD **Trương Quang Minh**

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	Đ.QT	Đ.THI	Đ.HP	Ghi chú
1	2118260100	Nguyễn Thị Thúy	An	07/08/1999	CCQ1826B	8.0	9.0	6.0	6.8	5.0	5.7	
2	2121100048	Lương Trần Phương	Anh	04/04/2002	CCQ2110B	7.0	8.0	7.5	7.5	4.0	5.4	
3	2121100059	Mai Phương	Anh	21/07/2003	CCQ2110B	8.0	9.5	7.5	7.9	4.0	5.6	
4	2121120482	Nguyễn Thị Kiều	Anh	25/08/2003	CCQ2112N	8.0	9.5	5.5	6.6	4.0	5.0	
5	2120190072	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	19/05/2002	CCQ2019C	7.0	8.5	8.0	7.9	9.0	8.6	
6	2121120290	Nguyễn Thùy	Dương	26/07/2003	CCQ2112I	7.0	8.0	6.0	6.5	4.0	5.0	
7	2121170026	Vương Nguyễn Tiến	Đạt	30/10/2001	CCQ2117A	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
8	2120110042	Trần Hoàng	Định	02/04/2002	CCQ2011B	8.0	8.5	7.5	7.8	10.0	9.1	
9	2121120175	Phan Thị Uyên	Hà	28/08/2003	CCQ2112R	6.0	8.0	6.5	6.7	4.0	5.1	
10	2121200090	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	08/02/2003	CCQ2120C	8.0	9.0	8.0	8.2	10.0	9.3	
11	2121120441	Lê Thị Kim	Hân	31/10/2003	CCQ2112M	7.0	8.5	6.0	6.6	4.0	5.0	
12	2121200079	Nguyễn Thị Minh	Hiền	28/09/2002	CCQ2120C	8.0	9.0	8.0	8.2	4.0	5.7	
13	2121120473	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	16/11/2003	CCQ2112N	7.0	8.5	5.5	6.3	7.0	6.7	
14	2121270001	Phạm Thị Thanh	Hoa	05/10/2003	CCQ2127A	8.0	9.0	7.5	7.8	10.0	9.1	
15	2121100072	Trần Thị Hồng	Hoa	16/01/2003	CCQ2110C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
16	2120120399	Vũ Xuân	Hoàng	24/11/2002	CCQ2012L	9.5	9.5	6.0	7.2	7.0	7.1	
17	2121120268	Trần Thị Quỳnh	Hương	03/07/2003	CCQ2112H	9.5	9.5	7.5	8.2	6.0	6.9	
18	2121200025	Nguyễn Thị Thu	Hường	07/10/2003	CCQ2120A	9.5	9.0	8.0	8.4	4.0	5.8	
19	2120200248	Đặng Liêu Tuấn	Khanh	04/03/2002	CCQ2020H	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
20	2121120107	Nguyễn Hoàng	Khuê	30/10/2003	CCQ2112D	4.0	4.0	5.5	5.0	0.0	2.0	
21	2121120203	Ngô Tuấn	Kiệt	13/06/2003	CCQ2112F	5.0	8.0	5.5	5.8	6.0	5.9	
22	2121120341	Tăng Lê	Linh	13/07/2002	CCQ2112J	9.5	10.0	6.0	7.3	8.0	7.7	
23	2120190049	Bùi Mai	Lĩnh	01/04/2002	CCQ2019B	5.0	7.0	6.0	6.0	9.0	7.8	
24	2121220012	Nguyễn Tấn Thành	Long	21/11/2003	CCQ2112N	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
25	2121120426	Nguyễn Trí	Lực	07/08/2003	CCQ2112M	8.0	10.0	6.5	7.3	6.0	6.5	
26	2119120597	Đỗ Văn	Mạnh	02/08/2001	CCQ1912Q	7.0	8.0	8.0	7.8	4.0	5.5	
27	2120200261	Nguyễn Khôi	Nguyên	16/06/2001	CCQ2020H	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
28	2121120449	Phạm Đình	Nguyên	13/01/2003	CCQ2112M	8.0	9.5	7.5	7.9	10.0	9.2	
29	2121100055	Phạm Hồng Thanh	Nguyệt	14/02/2003	CCQ2110B	7.0	8.5	6.0	6.6	4.0	5.0	
30	2121190004	Nguyễn Minh	Nhật	09/09/2003	CCQ2112N	8.5	8.5	5.5	6.5	6.0	6.2	
31	2120110053	Nguyễn Hoàng Uyên	Nhi	03/11/2002	CCQ2011B	7.0	8.5	8.0	7.9	9.0	8.6	
32	2121120311	Nguyễn Thị Yến	Nhi	23/06/2003	CCQ2112I	9.0	9.5	6.0	7.1	10.0	8.8	
33	2120190018	Lê Trương Diễm	Như	20/10/2002	CCQ2019A	4.0	7.0	7.0	6.5	4.0	5.0	
34	2121120342	Trần Đặng Quỳnh	Như	02/12/2003	CCQ2112J	8.0	9.0	6.0	6.8	4.0	5.1	
35	2120100089	Phan Thị Hoàng	Phi	15/01/2002	CCQ2010C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
36	2121120488	Lê Thị Trúc	Phương	22/10/2003	CCQ2112N	8.0	9.5	6.5	7.3	7.0	7.1	

37	2121120464	Nguyễn Thanh Hà	Phương	05/05/2003	CCQ2112N	8.0	9.0	6.5	7.2	4.0	5.3	
38	2121270033	Võ Thị Trúc	Phương	09/07/2003	CCQ2127A	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
39	2120110299	Trương Minh	Sang	03/09/2002	CCQ2011I	8.0	9.0	5.5	6.5	9.0	8.0	
40	2121200096	Huỳnh Tiến	Tài	30/09/2002	CCQ2120C	5.0	7.0	7.5	7.0	4.0	5.2	
41	2121120248	Đinh Thị Phương	Thảo	22/08/2003	CCQ2112H	8.0	9.5	7.5	7.9	4.0	5.6	
42	2121120593	Linh Thị	Thêm	18/08/2003	CCQ2112M	7.0	8.5	6.0	6.6	4.0	5.0	
43	2121100023	Lê Hoàng Mai	Thị	14/04/2003	CCQ2110A	7.0	8.5	7.5	7.6	6.0	6.6	
44	2120030194	Đặng Ngọc	Thông	21/12/2002	CCQ2003F	8.0	9.0	5.5	6.5	6.0	6.2	
45	2121100008	Phạm Thị Anh	Thơ	27/11/2003	CCQ2110A	7.0	8.0	8.0	7.8	4.0	5.5	
46	2121120224	Bùi Thị Mỹ	Thuận	20/02/2003	CCQ2112G	8.0	9.0	8.0	8.2	4.0	5.7	
47	2121120241	Lê Nguyễn Anh	Thư	29/06/2002	CCQ2112G	8.0	9.0	7.5	7.8	10.0	9.1	
48	2121120295	Phan Thị Ngọc	Thương	30/09/2003	CCQ2112I	8.0	8.5	6.0	6.8	4.0	5.1	
49	2121120299	Nguyễn Thị Tiên	Tiên	15/12/2003	CCQ2112I	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
50	2121120436	Quách Ngọc	Toàn	18/12/2003	CCQ2112M	8.0	9.5	6.5	7.3	10.0	8.9	
51	2121120481	Bùi Thị Quỳnh	Trang	08/12/2003	CCQ2112N	8.0	9.5	5.5	6.6	6.0	6.2	
52	2120190029	Lê Thị Thu	Trang	30/10/2002	CCQ2019A	7.0	8.5	8.0	7.9	6.0	6.8	
53	2121120237	Nguyễn Ngọc Uyên	Trang	02/03/2003	CCQ2112G	8.0	10.0	7.5	8.0	8.0	8.0	
54	2121120267	Nguyễn Phương	Trinh	15/09/2003	CCQ2112H	8.0	9.5	7.5	7.9	5.0	6.2	
55	2121120458	Phạm Thị Lan	Trinh	20/04/2003	CCQ2112N	8.0	9.0	5.5	6.5	6.0	6.2	
56	2121120472	Lê Thị Cẩm	Tú	31/05/2003	CCQ2112N	9.0	9.5	6.5	7.4	10.0	9.0	
57	2118110403	Nguyễn Thanh	Tú	28/03/2000	CCQ1811E	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
58	2121200006	Đặng Thanh	Tuấn	08/04/2001	CCQ2120A	10.0	10.0	8.0	8.7	7.0	7.7	
59	2121120424	Huỳnh Thị Minh	Tuyền	03/02/2003	CCQ2112M	8.0	9.5	5.5	6.6	4.0	5.0	
60	2121120302	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	20/11/2003	CCQ2112I	8.0	9.0	6.0	6.8	6.0	6.3	
61	2121120428	Phạm Thị Ngọc	Tuyền	06/02/2003	CCQ2112M	8.0	9.0	6.5	7.2	4.0	5.3	
62	2121120435	Trần Thị Thúy	Vi	20/01/2003	CCQ2112I	8.0	9.5	6.0	6.9	4.0	5.2	
63	2121050017	Lê Hồng	Việt	27/09/2003	CCQ2105A	8.0	9.5	7.5	7.9	4.0	5.6	
64	2121120471	Bùi Thị Ngọc	Vy	19/04/2003	CCQ2112N	8.0	9.0	6.5	7.2	4.0	5.3	
65	2121120461	Hồ Thị Thúy	Vy	15/04/2003	CCQ2112N	9.5	10.0	6.5	7.6	4.0	5.4	
66	2121120345	Nguyễn Hoa Nhật	Vy	14/01/2003	CCQ2112J	5.0	8.0	7.5	7.2	4.0	5.3	
67	2121120627	Nguyễn Thị Yến	Vy	02/04/2003	CCQ2112R	7.0	8.5	6.0	6.6	4.0	5.0	
68	2121120462	Trần Thị Thanh	Xinh	20/09/2003	CCQ2112N	8.0	9.5	5.5	6.6	4.0	5.0	
69	2121120438	Đinh Hoàng	Yến	27/12/2003	CCQ2112M	7.0	8.5	6.5	6.9	7.0	7.0	
70	2120190118	Phạm Thị Hải	Yến	24/02/2001	CCQ2019C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
71	2121120468	Trần Thị Hải	Yến	14/11/2003	CCQ2112N	8.0	9.5	6.5	7.3	4.0	5.3	

BP.1: Điểm chuyên cần

BP.2: Điểm đánh giá quá trình học

BP.3: Điểm kiểm tra giữa kỳ

Đ.QT: Điểm quá trình = $((BP.1 + BP.2) / 2 + BP.3 * 2) / 3$

Đ.THI: Điểm thi

Đ.HP: Điểm học phần = $(Đ.THI * 0.4 + Đ.HP * 0.6)$

Đ.HP ≥ 5.0 Đạt ; Đ.HP ≤ 4.9 Không Đạt